

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/DS-ST

Ngày: 29-10-2019

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”
và “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai

Cán bộ hưu trí phường M – thành phố L

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

Cán bộ tư pháp phường M – thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 507/26, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983 (Giấy ủy quyền ngày 28/8/2019).

Địa chỉ: Số 30, Nguyễn Huệ A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Huỳnh A, sinh năm 1966.

(Bà Ân có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Ông Ngô Minh S, sinh năm 1965. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số 529/27, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2019 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ngày 19/6/2017 âm lịch, bà Nguyễn Thị Phương L có tổ chức chơi hội 1.000.000 đồng/tháng, có 19 người tham gia. Trong đó, bà Trần Thị Huỳnh A tham gia 05 phần và đã hốt hết 05 phần hội (ngày 19/10/2017 hốt 01 phần, ngày 19/11/2019 hốt 02 phần, ngày 19/12/2019 hốt 02 phần). Dây hội này, bà Ân có châu hội chết nhưng số cụ thể là bao nhiêu bà L không nhớ, chỉ xác định bà A còn thiếu lại bà L với số tiền là 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng).

Ngày 18/12/2017 âm lịch, bà A có tổ chức chơi hội 200.000 đồng/phần/01 tuần, có 63 người tham gia. Bà L tham gia 03 phần và mua thêm của bà Ân 05 phần hội, tổng là 08 phần hội, bà L đã đóng cho bà A với số tiền là 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng).

Ngoài số tiền hội trên, ngày 25/12/2017, bà A có vay của bà L số tiền 36.000.000đ để xây nhà, không thỏa thuận lãi suất, bà A chưa đóng lãi lần nào.

Đến ngày 10/12/2018, bà L và bà A gặp nhau chốt lại số tiền hội và tiền vay còn nợ tổng cộng là 146.000.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng), việc thỏa thuận có lập thành văn bản, bà A ký tên xác nhận và hứa sẽ sớm thanh toán số nợ trên nhưng không thực hiện. Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ như đã thỏa thuận nên bà Nguyễn Thị Phương L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Huỳnh và ông Ngô Minh S (chồng bà A) cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 146.000.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng) và lãi suất theo quy định kể từ ngày 10/12/2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

* Tại bản tự khai cùng lời trình bày trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị Huỳnh trình bày:

Bà A thừa nhận có tổ chức chơi hội, bà L có tham gia cũng như bà Loan tổ chức chơi hội bà tham gia và vay tiền bà L như bà L trình bày. Do các hội viên chơi và hốt hội không đóng lại hội chết nên dây hội bị vỡ, bà lâm vào khó khăn, không có khả năng giao hội cho các hội viên khác, trong đó có bà L. Ngày

10/12/2018, bà L tính số tiền bà A còn nợ là 146.000.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng) thì bà đồng ý ký vào biên nhận nợ và hứa sẽ trả hàng tháng nhưng do con gái bà bị tai nạn giao thông nên không thực hiện được việc trả nợ như cam kết. Do hoàn cảnh hiện tại khó khăn, không có điều kiện trả một lần nên bà A xin trả dần 500.000 đồng/tháng. Thời gian trả bắt đầu từ tháng 7/2019 cho đến khi tất toán số nợ.

Đối với yêu cầu ông Ngô Minh S cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L thì bà không đồng ý, vì việc tham gia hội, vay tiền của bà L là do một mình bà giao dịch, ông S không biết phần nợ này, không mua sắm tài sản gì cho gia đình nên bà yêu cầu được trả nợ cho bà L theo yêu cầu khởi kiện.

* Bị đơn ông Ngô Minh S vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh, không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm:

* Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Ngô Minh S liên đới trả nợ với bà Trần Thị Huỳnh và yêu cầu tính lãi. Đồng thời yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Trần Thị Huỳnh A phải trả 146.000.000đ.

* Bị đơn Trần Thị Huỳnh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thừa nhận còn nợ bà Loan tiền hội và tiền vay là 146.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Phương L và bà Trần Thị Huỳnh A là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng góp hội), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bà L là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định bà A, ông S là bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Bà L ký văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Thành T tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận ông T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[4] Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thành T, bị đơn bà Trần Thị Huỳnh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời, nguyên đơn có đơn rút một phần khởi kiện đối với ông Ngô Minh S nên việc ông S vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 219, Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Qua trình bày trên của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa bà Nguyễn Thị Phương L và bị đơn bà Trần Thị Huỳnh A tham gia chơi hụi và xác lập hợp đồng vay tài sản. Ngày 10/12/2018, bị đơn xác nhận nợ với nguyên đơn bằng văn bản thể hiện rõ số tiền vay, tiền hụi còn nợ là 146.000.000đ và cam kết trả nợ hàng tháng nhưng không thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả nợ theo giấy nhận nợ, phù hợp với Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong thời gian đoạn chuẩn bị xét xử và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà A thừa nhận nợ, đồng ý trả cho nguyên đơn bà L số tiền 146.000.000đ và yêu cầu được trả dần theo hàng tháng. Yêu cầu không buộc ông Ngô Minh S (chồng bà A) cùng liên đới trả nợ, vì ông S không biết số nợ này, việc chơi hụi, vay tiền dùng vào việc giao hụi cho các hụi viên nên bà sẽ trả số tiền này cho bà Loan. Riêng, ông Ngô Minh S không có ý kiến cũng như không giao nộp chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Phương L đối với bị đơn Trần Thị Huỳnh A là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Như vậy, bị đơn Trần Thị Huỳnh A phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Phương L 146.000.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của bị đơn Ngô Minh S nên được Hội

đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Do đó, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Ngô Minh S và yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Trần Thị Huỳnh A phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 217; khoản 2 Điều 219; Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 471; Điều Bộ luật dân sự 2015;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt theo đề nghị của đại diện ủy quyền nguyên đơn, bị đơn Trần Thị Huỳnh A và xử vắng mặt Ngô Minh S.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Phương L đối với bị đơn Trần Thị Huỳnh A.

Buộc bà Trần Thị Huỳnh A phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Phương L số tiền 146.000.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

[2] Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Phương L đối với bị đơn Ngô Minh S và phần yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Huỳnh A phải nộp 7.300.000đ (bảy triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương L 3.650.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004273 ngày 20/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Ông Nguyễn Thành T được đại diện nhận lại số tiền án phí này.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam